

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 06/7/2004, thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Đình Khôi	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/12/2025)
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025, miễn nhiệm ngày 01/12/2025) Thành viên (Từ ngày 01/12/2025)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Giáp Minh Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Văn Việt Tuấn	Thành viên
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Văn Việt Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Văn Viết Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Số: 84/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, được lập ngày 12/3/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

197
TY
H
ÁN
NAM
31-3

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 03/3/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		125.616.132.343	127.582.420.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.461.048.793	13.195.920.709
1. Tiền	111		6.461.048.793	6.195.920.709
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74.702.301.286	65.502.301.286
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(85.094.964)	(85.094.964)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	74.500.000.000	65.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.026.459.713	14.019.939.869
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.594.431.021	11.327.691.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	913.646.800	1.613.686.695
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.346.347.236	2.901.302.713
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.977.679.795)	(1.972.455.288)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	21.172.901.619	29.908.247.524
1. Hàng tồn kho	141		26.831.532.274	32.490.612.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.658.630.655)	(2.582.365.267)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.253.420.932	4.956.011.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	5.959.633.963	4.436.552.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		122.178.738	347.850.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	171.608.231	171.608.231
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		107.008.374.297	109.832.131.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.215.447.540	18.215.447.540
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
II. Tài sản cố định	220		58.835.092.051	62.700.445.235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	42.586.695.585	45.824.323.333
- Nguyên giá	222		134.488.178.667	133.339.231.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.901.483.082)	(87.514.908.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	16.248.396.466	16.876.121.902
- Nguyên giá	228		26.804.994.698	26.804.994.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.556.598.232)	(9.928.872.796)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.330.512.273	9.330.512.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	9.330.512.273	9.330.512.273
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.671.374.380	17.568.916.319
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	17.671.374.380	17.568.916.319
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.955.948.053	2.016.809.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.187.274.408	795.587.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	1.768.673.645	1.221.222.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		232.624.506.640	237.414.552.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

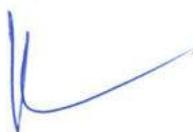
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		42.499.161.931	50.919.392.331
I. Nợ ngắn hạn	310		16.064.047.244	27.196.909.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	4.650.646.683	1.792.100.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.487.096	125.824.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.496.250.871	1.720.585.480
4. Phải trả người lao động	314		3.927.200.157	5.133.698.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.644.265.277	2.991.372.947
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		261.600.000	261.600.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	249.088.781	9.944.368.593
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	2.854.779.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	368.880.014	988.182.356
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		443.628.365	1.384.397.109
II. Nợ dài hạn	330		26.435.114.687	23.722.482.974
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	15.720.017.195	12.962.237.505
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	9.893.522.547	9.932.916.491
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.12	821.574.945	827.328.978
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		190.125.344.709	186.495.159.963
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	190.125.344.709	186.495.159.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.032.634.427	69.032.627.878
3. Cổ phiếu quỹ	415		(23.523.036.791)	(23.523.044.392)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.335.740.792	10.329.014.308
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.100.868.048	7.689.317.170
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		4.909.389.296	1.550.829.198
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.191.478.752	6.138.487.972
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.358.638.233	3.146.744.999
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		232.624.506.640	237.414.552.294

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Văn Viết Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	135.291.661.055	114.583.220.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	110.350.047	58.962.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	135.181.311.008	114.524.258.415
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	66.734.095.609	58.164.854.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		68.447.215.399	56.359.404.085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.287.983.528	3.022.557.310
7. Chi phí tài chính	22	6.4	30.281.401	171.336.486
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.281.401	86.241.522
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		102.458.061	174.172.335
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	36.908.258.379	27.904.231.092
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.257.917.798	17.029.753.039
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		17.641.199.410	14.450.813.113
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.443.772.053	52.464.551
13. Chi phí khác	32	6.7	2.350.649.493	285.142.726
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	1.093.122.560	(232.678.175)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		18.734.321.970	14.218.134.938
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.480.270.897	3.083.594.285
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(553.205.360)	(81.675.588)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.807.256.433	11.216.216.241
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.593.738.752	11.540.747.972
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(786.482.319)	(324.531.731)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.443	934

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Trương Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Trương Thị Thùy Linh

Tổng Giám đốc



Văn Viết Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.734.321.970	14.218.134.938
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	5.503.094.598	5.606.032.483
- Các khoản dự phòng	03	2.462.187.553	976.427.660
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.675.868.564)	(2.974.586.443)
- Chi phí lãi vay	06	30.281.401	86.241.522
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.054.016.958	17.912.250.160
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.482.581.865)	1.614.031.198
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.659.080.517	2.096.932.218
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.752.652.949)	2.307.509.568
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.914.768.195)	(1.602.650.311)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.281.401)	(71.600.426)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.403.515.060)	(2.174.518.117)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.457.700.000)	(2.759.347.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.671.598.005	17.322.606.526
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.637.741.414)	(820.465.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	366.181.818	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.000.000.000)	(103.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	73.800.000.000	93.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.903.738.275	4.662.202.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.567.821.321)	(6.126.444.483)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		9.130.000.000	13.435.292.684
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.984.779.000)	(12.340.513.684)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.983.869.600)	(3.327.480.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(16.838.648.600)</i>	<i>(2.232.701.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(6.734.871.916)	8.963.461.043
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.195.920.709	4.232.459.666
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.461.048.793	13.195.920.709

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thùy Linh

Trương Thị Thùy Linh

Văn Viết Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 06/7/2004, thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 99 người (tại ngày 31/12/2024 là 111 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo sơ cấp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo đại học; Đào tạo thạc sỹ;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, vật tư y tế, và kinh doanh dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
248A Nơ Trang Long
Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	70,00%	70,00%	70,00%
3	Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	81,86%	81,86%	81,86%
Các Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Lô CN07-02, Khu Công nghiệp Bình Xuyên 2, Xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ	Khai thác cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	43,75%	43,75%	43,75%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

Tên đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình - Nhà máy Sản xuất Lắp ráp Điện tử, Điện dân dụng và Tin học Cát Lái

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình – Nhà máy sản xuất, lắp ráp Ti vi màu

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình – Nhà máy Sản xuất Lắp ráp các sản phẩm điện tử - điện lạnh - dân dụng

Địa chỉ

Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh

P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

B58/II-B59/II đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc và không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, các Công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB, Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB, Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 31/12/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất của Công ty liên quan đến thửa đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc tại Lô B58-59/II Đường 2E, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 46 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Công ty ghi nhận lợi nhuận được chia từ BCC dựa theo bảng quyết toán định kỳ của Bên quản lý dự án của BCC.

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cho thuê tài sản (Tiếp theo)

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ: Trích trước dựa theo Hợp đồng, thỏa thuận khi chưa nhận được hóa đơn tài chính có liên quan.
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lát: Trích trước dựa trên số tiền thuê đất đã thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê đất tại Khu công nghiệp cho thời hạn sử dụng đất, trong vòng 48 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nếu khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo thì được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, không bao gồm (loại trừ) khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp, (khoản chênh lệch này) thì được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, được trích lập theo số lượng sản phẩm điện tử bán ra, tỷ lệ hư hỏng trong quá khứ, với thời gian trích lập theo thời gian bảo hành mà Công ty cam kết với khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (các mặt hàng điện tử, thiết bị y tế), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ cung cấp một loại dịch vụ/sản phẩm, đồng thời, vị trí địa lý của khách hàng và tài sản của Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy, Ban Tổng Giám đốc không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	63.074.387	11.299.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.397.974.406	6.184.620.832
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
Tổng	6.461.048.793	13.195.920.709

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	74.500.000.000	74.500.000.000	65.300.000.000	65.300.000.000
Tổng	74.500.000.000	74.500.000.000	65.300.000.000	65.300.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,1% - 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
 248A Nơ Trang Long
 Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Cổ phiếu		287.396.250		(85.094.964)		287.396.250		(85.094.964)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	129.750	287.396.250		(85.094.964)	129.750	287.396.250		(85.094.964)
Tổng		287.396.250		(85.094.964)		287.396.250		(85.094.964)

c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			17.500.000.000		17.671.374.380	17.500.000.000		17.568.916.319
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	43,75%	43,75%	17.500.000.000		17.671.374.380	17.500.000.000		17.568.916.319
Tổng			17.500.000.000		17.671.374.380	17.500.000.000		17.568.916.319

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity	3.865.015.701	2.234.691.015
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tin học và Quảng cáo Đăng Khởi	-	1.018.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Diệp Thảo	-	191.884.000
Các đối tượng khác	11.729.415.320	7.882.616.283
Tổng	15.594.431.021	11.327.691.298

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	913.646.800	1.613.686.695
Oceanview (Guangdong) Sci-Tech Co., Ltd.	346.198.125	-
Fudio Technology Limited	390.434.129	1.417.727.644
Các đối tượng khác	177.014.546	195.959.051
b) Dài hạn	18.215.447.540	18.215.447.540
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)	18.215.447.540	18.215.447.540
Tổng	19.129.094.340	19.829.134.235

(i) Khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về Hợp đồng nguyên tắc thuê đất liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty, chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Phải thu người lao động	364.133.741	-	1.202.708.103	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.226.464	-	15.426.464	-
- Phải thu khác	1.949.987.031	(257.393.496)	1.683.168.146	(294.065.022)
+ <i>Phải thu lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn</i>	1.574.516.438	-	1.271.026.028	-
+ <i>Các khoản khác</i>	375.470.593	(257.393.496)	412.142.118	(294.065.022)
Tổng	2.346.347.236	(257.393.496)	2.901.302.713	(294.065.022)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng		1.837.029.388	116.743.089 (1.720.286.299)		1.795.133.355	116.743.089 (1.678.390.266)
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cường Nga		-	-	Từ 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm	185.157.864	116.743.089 (68.414.775)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại TOPCARE	Trên 3 năm	279.768.060	(279.768.060)	Trên 3 năm	279.768.060	(279.768.060)
Công ty Cổ phần DIGICITY Việt Nam	Trên 3 năm	152.388.320	(152.388.320)	Trên 3 năm	152.388.320	(152.388.320)
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Bình An	Trên 3 năm	208.300.042	(208.300.042)	Trên 3 năm	208.300.042	(208.300.042)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Starnec	Trên 3 năm	105.564.146	(105.564.146)	Trên 3 năm	105.564.146	(105.564.146)
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Quốc tế INCOTEC	Trên 3 năm	239.228.212	(239.228.212)	Trên 3 năm	239.228.212	(239.228.212)
Hộ kinh doanh Lê Đình Sơn	Trên 3 năm	115.650.004	(115.650.004)	Trên 3 năm	115.650.004	(115.650.004)
Công ty TNHH Sơn Anh	Trên 3 năm	117.075.000	(117.075.000)	Trên 3 năm	117.075.000	(117.075.000)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	619.055.604	116.743.089 (502.312.515)	Trên 3 năm	392.001.707	(392.001.707)
Phải thu khác		257.393.496	(257.393.496)		294.065.022	(294.065.022)
Ông Phạm Huy Toàn		-	-	Trên 3 năm	36.671.526	(36.671.526)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	257.393.496	(257.393.496)	Trên 3 năm	257.393.496	(257.393.496)
Tổng		2.094.422.884	116.743.089 (1.977.679.795)		2.089.198.377	116.743.089 (1.972.455.288)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.693.370.954	(862.298.483)	4.366.831.443	(908.433.307)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.680.778	-	-	-
Thành phẩm	11.369.065.275	(644.658.665)	8.689.624.503	(617.180.424)
Hàng hóa	10.745.415.267	(4.151.673.507)	19.434.156.845	(1.056.751.536)
Tổng	26.831.532.274	(5.658.630.655)	32.490.612.791	(2.582.365.267)

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.959.633.963	4.436.552.504
Chi phí sửa chữa tài sản	3.600.053.132	1.925.959.018
Chi phí trả trước khác	2.359.580.831	2.510.593.486
b) Dài hạn	1.187.274.408	795.587.672
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	279.462.078	33.126.288
Chi phí trả trước khác	907.812.330	762.461.384
Tổng	7.146.908.371	5.232.140.176

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	88.013.910.802	38.888.224.078	6.325.978.529	111.118.571	133.339.231.980
Tăng trong năm	-	1.637.741.414	-	-	1.637.741.414
Mua trong năm	-	1.637.741.414	-	-	1.637.741.414
Giảm trong năm	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Số dư tại ngày 31/12/2025	88.013.910.802	40.525.965.492	5.837.183.802	111.118.571	134.488.178.667
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	48.421.248.681	33.087.724.318	5.894.817.077	111.118.571	87.514.908.647
Tăng trong năm	2.806.306.928	1.992.945.713	76.116.521	-	4.875.369.162
Khấu hao trong năm	2.806.306.928	1.992.945.713	76.116.521	-	4.875.369.162
Giảm trong năm	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(488.794.727)	-	(488.794.727)
Số dư tại ngày 31/12/2025	51.227.555.609	35.080.670.031	5.482.138.871	111.118.571	91.901.483.082
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	39.592.662.121	5.800.499.760	431.161.452	-	45.824.323.333
Tại ngày 31/12/2025	36.786.355.193	5.445.295.461	355.044.931	-	42.586.695.585

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 53.404.215.958 VND (tại ngày 01/01/2025: 52.684.947.209 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	26.132.193.780	672.800.918	26.804.994.698
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	26.132.193.780	672.800.918	26.804.994.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	9.336.071.874	592.800.922	9.928.872.796
Tăng trong năm	607.725.432	20.000.004	627.725.436
Khấu hao trong năm	607.725.432	20.000.004	627.725.436
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	9.943.797.306	612.800.926	10.556.598.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	16.796.121.906	79.999.996	16.876.121.902
Tại ngày 31/12/2025	16.188.396.474	59.999.992	16.248.396.466

Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng đất đến năm 2053.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 572.800.918 VND (tại ngày 01/01/2025: 572.800.918 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
b) Xây dựng cơ bản	9.330.512.273	9.330.512.273
Công trình VTB Green Building (i)	9.330.512.273	9.330.512.273
Tổng	9.330.512.273	9.330.512.273

- (i) Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công trình VTB Green Building tại số 06 Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, phường 2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh) đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 51/2024/NQ-VTB-HĐQT ngày 11/10/2024 về việc tiếp tục thực hiện các phần việc của dự án tại Khu đất nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.768.673.645	1.221.222.318
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.768.673.645	1.221.222.318
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	821.574.945	827.328.978
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	821.574.945	827.328.978
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tin học K&C	1.785.138.106	1.785.138.106	698.569.963	698.569.963
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Network Hub	-	-	91.630.000	91.630.000
Phải trả người bán khác	2.865.508.577	2.865.508.577	1.001.900.627	1.001.900.627
Tổng	4.650.646.683	4.650.646.683	1.792.100.590	1.792.100.590

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	1.720.585.480	25.363.197.792	24.587.532.401	2.496.250.871
Thuế giá trị gia tăng	699.656.517	6.799.440.392	7.118.519.209	380.577.700
Thuế xuất, nhập khẩu	-	221.510.634	221.510.634	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	985.301.773	4.480.270.897	3.403.515.060	2.062.057.610
Thuế thu nhập cá nhân	35.627.190	758.368.294	740.379.923	53.615.561
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.929.409.436	12.929.409.436	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	174.198.139	174.198.139	-
Phải thu	171.608.231	-	-	171.608.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	171.608.231	-	-	171.608.231

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	3.644.265.277	2.991.372.947
Chi phí hỗ trợ quảng cáo, nhà phân phối khu vực Phía Nam	497.235.027	291.920.064
Chi phí vận chuyển, lắp đặt	156.624.000	583.299.224
Chi phí phải trả khác	2.990.406.250	2.116.153.659
b) Dài hạn	15.720.017.195	12.962.237.505
Trích trước phần phân bổ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái	5.020.017.230	4.462.237.505
Chi phí phải trả khác	10.699.999.965	8.500.000.000
Tổng	19.364.282.472	15.953.610.452

5.16 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	249.088.781	9.944.368.593
Kinh phí công đoàn	48.711.500	79.692.958
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	26.011.320	13.424.895
Cổ tức phải trả	171.977.100	9.834.038.700
Phải trả khác	2.388.861	17.212.040
b) Dài hạn	9.893.522.547	9.932.916.491
Nhận ký quỹ, ký cược	9.843.522.547	9.932.916.491
Phải trả về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	50.000.000	-
Tổng	10.142.611.328	19.877.285.084

Trong đó,

*Phải trả cho các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

50.000.000

5.989.464.000

- (i) Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 001/2025/HĐHTKD ngày 15/4/2025 về việc hợp tác khai thác quảng cáo trên tivi để triển khai cho khách hàng của các bên góp vốn tại các địa điểm công cộng đồng người. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB, một Công ty con của Công ty, là đơn vị quản lý phần vốn góp từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh mà không hình thành pháp nhân, tỷ lệ góp vốn mỗi đơn vị cho Hợp đồng Hợp tác kinh doanh là 25% trên tổng số vốn góp của hoạt động hợp tác kinh doanh, chia đều cho 4 đơn vị góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh căn cứ trên giá trị Hợp đồng từ các khách hàng mà các đơn vị tìm kiếm được, đơn vị nào tìm kiếm được khách hàng sẽ được phân chia 40% trên giá trị Hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết thành công.

5.17 Dự phòng phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	368.880.014	988.182.356
Tổng	368.880.014	988.182.356

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	-	-	9.130.000.000	11.984.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>9.130.000.000</i>	<i>11.984.779.000</i>	<i>2.854.779.000</i>	<i>2.854.779.000</i>
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	-	-	9.130.000.000	11.984.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
Tổng	-	-	9.130.000.000	11.984.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
 248A Nơ Trang Long
 Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.286.508.360	3.484.603.666	186.430.209.820
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	11.540.747.972	(324.531.731)	11.216.216.241
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.263.871.162)	(13.326.936)	(1.277.198.098)
Trích Quỹ Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.724.068.000)	-	(9.724.068.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.689.317.170	3.146.744.999	186.495.159.963
Số dư tại ngày 01/01/2025	119.820.500.000	69.032.627.878	(23.523.044.392)	10.329.014.308	7.689.317.170	3.146.744.999	186.495.159.963
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	15.593.738.752	(786.482.319)	14.807.256.433
Trích Quỹ phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.300.000.000)	-	(1.300.000.000)
Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Chia cổ tức năm 2024 (i)	-	-	-	-	(4.321.808.000)	-	(4.321.808.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2025 (ii)	-	-	-	-	(5.402.260.000)	-	(5.402.260.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	-	(1.531.880)	(1.471.807)	(3.003.687)
Biến động khác trong vốn chủ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	(2.993.273.515)	2.993.273.515	-	-
Tăng/giảm khác	-	6.549	7.601	(1)	138.491	(152.640)	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	119.820.500.000	69.032.634.427	(23.523.036.791)	7.335.740.792	15.100.868.048	2.358.638.233	190.125.344.709

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2025/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025:
- + Trích Quỹ phúc lợi: 1.300.000.000 VND;
 - + Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: 150.000.000 VND;
 - + Chia cổ tức: 9%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 9.724.068.000 VND, trong đó phần đã tạm ứng cổ tức năm 2024 (5%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 5.402.260.000), phần còn lại được chia vào năm 2025 là 4%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 4.321.808.000 VND.
- (ii) Công ty tạm ứng cổ phiếu (lần 1) năm 2025 bằng tiền với mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2025/NQ-VTB-HĐQT ngày 14/10/2025.

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	66.549.600.000	66.549.600.000
Các cổ đông khác	53.270.900.000	53.270.900.000
Tổng	119.820.500.000	119.820.500.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	119.820.500.000	119.820.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	119.820.500.000	119.820.500.000
Cổ tức đã chia	9.724.068.000	9.724.068.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.335.740.792	10.329.014.308
Tổng	7.335.740.792	10.329.014.308

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang quản lý, sử dụng các thửa đất thuê của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất theo Thông báo của Thuế địa phương nơi các thửa đất.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.291.661.055	114.583.220.799
Tổng	135.291.661.055	114.583.220.799

Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	86.895.501	58.962.384
Giảm giá hàng bán	23.454.546	-
Tổng	110.350.047	58.962.384

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.181.311.008	114.524.258.415
Tổng	135.181.311.008	114.524.258.415

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	66.734.095.609	58.164.854.330
Tổng	66.734.095.609	58.164.854.330

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.207.228.685	2.942.768.261
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	80.754.843	79.789.049
Tổng	3.287.983.528	3.022.557.310

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	30.281.401	86.241.522
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	85.094.964
Tổng	30.281.401	171.336.486

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	9.575.777.540	8.836.352.286
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	174.776.857	107.436.995
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.708.556	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.428.183.405	5.525.455.790
Hòa nhập chi phí bảo hành sản phẩm	(594.380.500)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.647.478.945	3.693.356.848
Chi phí bằng tiền khác	18.643.713.576	9.741.629.173
Tổng	36.908.258.379	27.904.231.092

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.517.018.390	11.299.870.731
Chi phí vật liệu quản lý	262.648.617	341.085.747
Chi phí khấu hao TSCĐ	119.706.104	192.038.219
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	78.999.485	(6.041.096)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.369.160	753.896.583
Chi phí bằng tiền khác	4.481.176.042	4.448.902.855
Tổng	17.257.917.798	17.029.753.039

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	366.181.818	-
Xử lý công nợ phải trả	927.702.281	-
Thu tiền bồi thường của bảo hiểm	2.106.334.980	-
Thu tiền phạt hợp đồng	7.209.803	-
Các khoản khác	36.343.171	52.464.551
Tổng	3.443.772.053	52.464.551
Chi phí khác		
Xuất hàng tồn kho trả bảo hiểm tiền bồi thường	2.270.692.402	-
Chi hỗ trợ người lao động	60.000.000	-
Các khoản khác	19.957.091	285.142.726
Tổng	2.350.649.493	285.142.726
Lợi nhuận khác	1.093.122.560	(232.678.175)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.383.442.584	3.083.594.285
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	96.828.313	-
Tổng	4.480.270.897	3.083.594.285

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	123.860.468	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(671.311.795)	(81.675.588)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(5.754.033)	-
Tổng	(553.205.360)	(81.675.588)

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại) (ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	15.593.738.752	11.540.747.972
Các khoản điều chỉnh	-	(1.450.000.000)
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(1.300.000.000)
<i>Trích Quỹ Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	(150.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)	15.593.738.752	10.090.747.972
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.804.520	10.804.520
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.443	934

- (i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(ii) Công ty trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024 theo kết quả phân lợi nhuận năm 2024 cho các quỹ gồm Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 07/2025/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025. Chi tiết như sau:

	Năm 2024 Số đã trình bày	Năm 2024 Số trình bày lại	Năm 2024 Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.540.747.972	11.540.747.972	-
Các khoản điều chỉnh (VND)	-	(1.450.000.000)	(1.450.000.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	<i>(1.300.000.000)</i>	<i>(1.300.000.000)</i>
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát</i>	-	<i>(150.000.000)</i>	<i>(150.000.000)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)	11.540.747.972	10.090.747.972	(1.450.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.804.520	10.804.520	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.068	934	(134)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.830.385.861	22.393.994.418
Chi phí nhân công	52.645.234.341	24.301.097.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.503.094.598	5.606.032.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.181.931.917	4.792.060.906
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(515.381.015)	(6.041.096)
Chi phí khác bằng tiền	20.698.579.735	21.066.634.460
Tổng	118.343.845.437	78.153.778.415

D.N
 CÔ
 TI
 KIỂM
 PAV
 5. HA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ
4	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các Bên liên quan như sau:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác	1.184.317.000	1.144.471.000

Trong đó:

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 01/12/2025)	31.000.000	
Ông Trần Đình Khôi	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 01/12/2025)	37.000.000	24.000.000
Ông Vũ Hải Vĩnh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	16.000.000	48.000.000
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Nguyên Thành viên		12.000.000
Ông Văn Việt Tuấn	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Giáp Minh Trung	Nguyên Thành viên	12.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)	24.000.000	
Tổng		192.000.000	192.000.000

Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban	139.711.000	132.955.000
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)	16.000.000	-
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên	153.991.000	125.919.000
Ông Vũ Văn Tuấn	Nguyên thành viên	8.000.000	24.000.000
Tổng		317.702.000	282.874.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Văn Việt Tuấn	Tổng Giám đốc	310.967.000	308.340.000
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc	257.598.000	254.271.000
Ông Võ Sang Bành	Người phụ trách quản trị Công ty	106.050.000	106.986.000
Tổng		674.615.000	669.597.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch khác		6.039.464.000	5.989.464.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Cổ tức đã trích	5.989.464.000	5.989.464.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Nhận tiền góp vốn từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả khác		5.989.464.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	-	5.989.464.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	50.000.000	-

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 – Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND tương ứng với 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên sổ dư khoản mục “Trả trước cho người bán dài hạn”. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất để đảm bảo số liệu năm nay phù hợp và có thể so sánh được với số liệu năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (tóm lược)

	Mã số	Số đã trình bày kỳ trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	25	51.567.687.085	58.164.854.330	6.597.167.245	(i)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	62.956.571.330	56.359.404.085	(6.597.167.245)	
Chi phí bán hàng	26	34.501.398.337	27.904.231.092	(6.597.167.245)	(i)

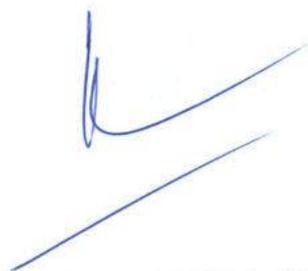
(i) *Phân loại lại chi phí nhà xưởng phục vụ sản xuất.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thùy Linh



Trương Thị Thùy Linh



Văn Viết Tuấn